IDICO-URBIZ **CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN IDICO**

Thời gian: từ 01/10/2025 đến 31/10/2025

Bộ phận: Môi trường

BÁO CÁO THÔNG SỐ TRẠM QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG (GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH NGÀY)

Ngày	Thông số quan trắc										
	COD (mgO_2/l)	TSS (mg/l)	Độ màu (Pt-Co)	pH	N-NH_4 (mg/l)	Nhiệt độ (^oC)	Lưu lượng đầu vào 1 (m^3/h)	Lưu lượng đầu vào 2 (m^3/h)	Lưu lượng đầu vào 3 (m^3/h)	Lưu lượng đầu ra (m^3/h)	GHI CHÚ (báo vượt)
01/10	35,50	11,45	30,23	7,25	0,11	30,84	0,11	173,17	116,67	248,80	-
02/10	31,50	11,33	27,77	7,27	0,13	30,49	0,11	166,10	114,06	233,44	-
03/10	30,60	11,85	27,01	7,28	0,13	30,92	0,11	175,60	103,44	237,19	-
04/10	27,36	10,90	24,32	7,25	0,11	31,21	0,11	159,42	114,57	229,03	-
05/10	30,02	8,06	26,15	7,30	0,12	31,65	0,10	108,24	95,84	173,18	-
06/10	32,38	8,80	28,02	7,35	0,13	31,72	0,11	119,80	91,53	175,77	-
07/10	34,04	14,55	29,04	7,38	0,12	31,59	0,11	155,42	106,51	219,46	-
08/10	40,50	15,55	34,54	7,34	0,14	31,73	0,11	175,78	110,40	240,35	-
09/10	39,91	14,09	33,57	7,33	0,22	31,64	0,11	170,12	111,95	234,35	-
10/10	36,29	13,03	30,70	7,30	0,25	31,87	0,11	164,78	105,35	224,84	-
11/10	37,64	13,83	31,60	7,30	0,29	32,06	0,11	158,80	106,28	224,61	-
12/10	34,80	13,11	29,10	7,31	0,25	31,99	0,11	133,18	101,43	197,22	-
13/10	31,98	14,23	26,71	7,35	0,34	31,52	0,10	129,62	96,56	190,52	-
14/10	34,27	12,87	28,18	7,38	0,33	31,54	0,11	167,39	109,02	234,76	-
15/10	35,40	14,81	28,64	7,37	0,32	31,67	0,12	153,23	106,14	216,04	-
16/10	36,48	12,54	29,39	7,30	0,23	31,75	0,12	150,54	109,15	215,92	-
17/10	34,61	8,87	27,62	7,27	0,13	31,99	0,11	155,36	108,22	220,52	-
18/10	30,03	13,04	25,32	7,29	0,11	32,17	0,11	156,22	108,18	208,27	-
19/10	31,90	11,21	25,68	7,40	0,09	32,12	0,11	118,62	96,67	174,95	-
20/10	29,65	11,92	23,87	7,46	0,08	31,86	0,11	127,83	94,85	184,86	-
21/10	26,17	11,44	21,07	7,43	0,04	32,05	0,12	166,96	104,44	224,53	-

Ngày	Thông số quan trắc										
	COD (mgO_2/l)	**TSS (mg/l)**	**Độ màu (Pt-Co)**	**pH**	**N-NH_4 (mg/l)**	**Nhiệt độ (^oC)**	**Lưu lượng đầu vào 1 (m^3/h)**	**Lưu lượng đầu vào 2 (m^3/h)**	**Lưu lượng đầu vào 3 (m^3/h)**	**Lưu lượng đầu ra (m^3/h)**	**GHI CHÚ (báo vượt)**
22/10	29,53	12,08	24,35	7,39	0,04	32,16	0,11	169,78	118,20	240,91	-
23/10	32,03	14,24	25,85	7,25	0,07	31,62	0,12	150,65	98,89	213,90	-
24/10	32,02	9,93	26,44	7,21	0,05	31,97	0,11	148,77	102,14	208,02	-
25/10	36,12	8,24	30,11	7,19	0,03	32,02	0,11	174,33	100,58	229,79	-
26/10	34,72	8,14	28,92	7,25	0,03	31,81	0,11	109,06	94,15	173,51	-
27/10	34,47	11,62	28,52	7,37	0,08	31,51	0,11	122,11	89,82	177,02	-
28/10	29,33	12,53	24,18	7,35	0,08	31,26	0,11	175,65	121,11	249,83	-
29/10	32,05	10,46	26,55	7,32	0,08	31,38	0,12	179,09	107,00	238,71	
30/10	34,29	10,41	28,43	7,24	0,08	30,92	0,11	194,33	125,55	270,61	
31/10	32,91	9,06	26,87	7,23	0,07	31,34	0,11	168,25	111,89	233,37	
QCVN 40:2011/BTNMT Cột B (Kq=0.9,Kf=0.9)	**121,5**	**81**	**150**	**5.5 - 9**	**8,1**	**40**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**